

THÔNG BÁO BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN
CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

1. Tên doanh nghiệp bán đấu giá:	Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật viễn thông
2. Địa chỉ:	Số 4A-4B-4C Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội
3. Điện thoại:	0243 7366984 Fax: 0243 5682240
4. Ngành nghề kinh doanh chính:	Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học
5. Vốn điều lệ thực góp:	48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng)
6. Số lượng cổ phần bán đấu giá:	1.575.000 cổ phần (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn cổ phần)
7. Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)
8. Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
9. Giá khởi điểm:	35.855 đồng/cổ phần (Ba mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng một cổ phần)
10. Tổ chức tư vấn:	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)
11. Tổ chức bán đấu giá:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
12. Điều kiện tham dự đấu giá:	Theo Quy chế bán đấu giá thông thường chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật viễn thông do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.
13. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc:	Từ ngày 26/11/2018 đến 15h30 ngày 14/12/2018 tại các đại lý đấu giá công bố trong Quy chế đấu giá do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) ban hành
14. Địa điểm, thời gian nộp phiếu tham dự đấu giá:	Chậm nhất 16h00 ngày 19/12/2018 tại các đại lý đấu giá
15. Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá:	- Thời gian: 08h30 ngày 21/12/2018 - Địa điểm: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
16. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần:	Từ ngày 22/12/2018 đến ngày 28/12/2018 tại địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc
17. Thời gian hoàn trả tiền cọc:	Từ ngày 25/12/2018 đến ngày 28/12/2018 tại địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc

Thông tin chi tiết về doanh nghiệp và cuộc bán đấu giá cổ phần tham khảo tại các địa điểm đăng ký và các website: www.hnx.vn; www.shs.com.vn; www.vnpt.vn; và các Website của các đại lý đấu giá

**TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 6029 /VNPT-KTTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

V/v Công khai thông tin Hồ sơ đấu giá

Kính gửi : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

Thực hiện theo qui định tại điểm b khoản 3 Điều 29a Nghị định 91/2015/NĐ-CP sửa đổi tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP : “Doanh nghiệp nhà nước/tổ chức đấu giá khi thực hiện công bố thông tin hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định cho các nhà đầu tư trước ngày đấu giá tối thiểu là 20 ngày tại trụ sở chính của công ty cổ phần có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng...”

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam kính gửi Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông bộ hồ sơ đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông. Hồ sơ bao gồm:

1. Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 29/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Phương án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2018 – 2020;
2. Quyết định số 197/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 31/10/2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.
3. Bản công bố thông tin về việc chuyển nhượng vốn cổ phần của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông;
4. Giấy xác nhận cổ phần cho cổ đông là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam do Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông phát hành.
5. Thông báo lịch trình tổ chức đấu giá

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đề nghị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông triển khai công khai thông tin hồ sơ đấu giá nêu trên tại trụ sở chính và trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông theo qui định của pháp luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Người đại diện vốn VNPT tại TST (để t/h);
- Lưu: VT, KTTC, LTTH.

VBG -IOF: 1031049

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Tổ Mạnh Cường

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Theo mẫu tại Phụ lục I – Kèm theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ)

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG: TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (VNPT)

Trụ sở chính: Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Website: www.vnpt.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3774 1091 Fax: (84.24) 3774 1093

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

CN TP.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

Hà Nội, tháng 11/2018

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

MỤC LỤC

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	4
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	4
2. Tổ chức tư vấn	4
II. CÁC KHÁI NIỆM	4
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	5
1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng	6
3. Số cổ phần sở hữu	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG)	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
2. Cơ cấu tổ chức công ty	9
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất :.....	10
4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	11
5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018.....	12
6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	13
7. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn	13
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	13
1. Loại cổ phần.....	13
2. Mệnh giá	13
3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng	13
4. Giá khởi điểm đấu giá.....	13
5. Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm	14
6. Phương thức chuyển nhượng vốn	14
7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá	14
8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn	14
9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến.....	14
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	14

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn.....	16
12. Các loại thuế có liên quan.....	16
13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn	16
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	16
VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	16
1. Tổ chức tư vấn	16
2. Tổ chức kiểm toán	17
3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:	17
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	17
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	17

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Ông Trần Mạnh Hùng

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Bà Trần Thị Thu Thanh

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 40/2018/UQ-TGD ngày 18/10/2018 của Tổng giám đốc)

Bản công bố thông tin này là một phần trong hồ sơ chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

1. Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

- Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Công ty có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông thông qua
- Vốn điều lệ: Là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau

- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau

- AFAS Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ
- ASEAN Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- BCTC Báo cáo tài chính
- BKS Ban kiểm soát
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- ĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- FTAS Các hiệp định Thương mại Tự do
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TNHH Trách nhiệm hữu hạn
- TSLĐ Tài sản lưu động
- UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VNPT Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- TST Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
- WTO Tổ chức Thương mại Thế giới

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:

- Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
- Tên giao dịch: VNPT
- Trụ sở chính: Số 57 Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3774 1091
- Fax: (84-24) 3774 1093
- Logo:

- Giấy chứng nhận Số 0100684378 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

ĐKDN: đăng ký lần đầu ngày 17/08/2010 đăng ký thay đổi lần
thứ 4 ngày 20/3/2017

- Vốn điều lệ: 72.237.000.000.000 đồng (Bảy mươi hai nghìn hai trăm
ba mươi bảy tỷ đồng).

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

VNPT hiện là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông hàng đầu tại Việt Nam. Với những đóng góp và thành tựu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa Xã hội và Bảo vệ Tổ quốc, VNPT đã vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ 1999 - 2009 vào ngày 22/12/2009.

Kể thừa 70 năm xây dựng, phát triển và gắn bó trên thị trường viễn thông Việt Nam, VNPT vừa là nhà cung cấp dịch vụ đầu tiên đặt nền móng cho sự phát triển của ngành Bưu chính, Viễn thông Việt Nam, vừa là tập đoàn có vai trò chủ chốt trong việc đưa Việt Nam trở thành 1 trong 10 quốc gia có tốc độ phát triển Bưu chính Viễn thông nhanh nhất toàn cầu.

Tháng 1/2006, VNPT chính thức trở thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam thay thế cho mô hình Tổng công ty cũ theo quyết định số 06/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với chiến lược phát triển theo mô hình tập đoàn kinh tế chủ lực của Việt Nam, kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực, đa sở hữu, trong đó Bưu chính - Viễn thông - CNTT là nòng cốt.

Ngày 24/6/2010, Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 955/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100684378 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần 3 ngày 14 tháng 04 năm 2015.

Ngày 06/04/2016, Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Nghị định số 25/2016/NĐ-CP.

2. Môi quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam là cổ đông lớn, sở hữu **1.575.000** cổ phần, tương đương **32,81%** vốn điều lệ hiện tại của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.

3. Số cổ phần sở hữu

Số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông là **1.575.000** cổ phần (chiếm tỷ lệ **32,81%** tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG)

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: Telecommunication Technical Service JSC
- Tên gọi tắt: TST
- Trụ sở chính: Số 4A-4B-4C Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 0243 7366984 Fax: 0243 5682240
- Logo:

- GCN ĐKKD: Giấy chứng nhận kinh doanh số 0101334129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/08/2000, thay đổi lần thứ 15 ngày 07/12/2015.
- Vốn điều lệ đăng ký: 48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng)
- Mã Cổ phiếu: TST (Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)
- Lĩnh vực kinh doanh: (Theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Sở KH&ĐT TP Hà Nội ngày 24/8/2018)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học	3312
2	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông	2630
3	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, tin học	2640
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Đo kiểm chuyên ngành viễn thông, truyền hình (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; - Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động Nhà nước cấm).	7110
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

	Chi tiết: Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình.	
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông.	4652
7	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
8	Vận tải hành khách đường sắt	4911
9	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
10	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
11	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu uỷ thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo quy định hiện hành; - Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;	8299
14	Đại lý du lịch Chi tiết: - Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7911
15	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
16	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng các công trình điện đến 35KV; - Xây dựng công trình nhà cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... ,Đập và đê; - Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật.	4299
18	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;	3320
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;	7730
20	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học	7490
21	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820

	Chi tiết: Quảng cáo bất động sản	
22	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
23	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi	6810
24	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ đánh giá sự phù hợp gồm: thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	7120

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học;
- Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tiền thân là Trung tâm KASATI Hà Nội, là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp khoa học sản xuất thiết bị thông tin. Hoạt động chính của Trung tâm KASATI là lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học từ năm 1990. Trong năm đó, Trung tâm triển khai thực hiện các hoạt động khác như: xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học, nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học. Đến năm 1997, Trung tâm thực hiện tiếp các hoạt động: tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế, thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; cho thuê các sản phẩm thiết bị viễn thông.

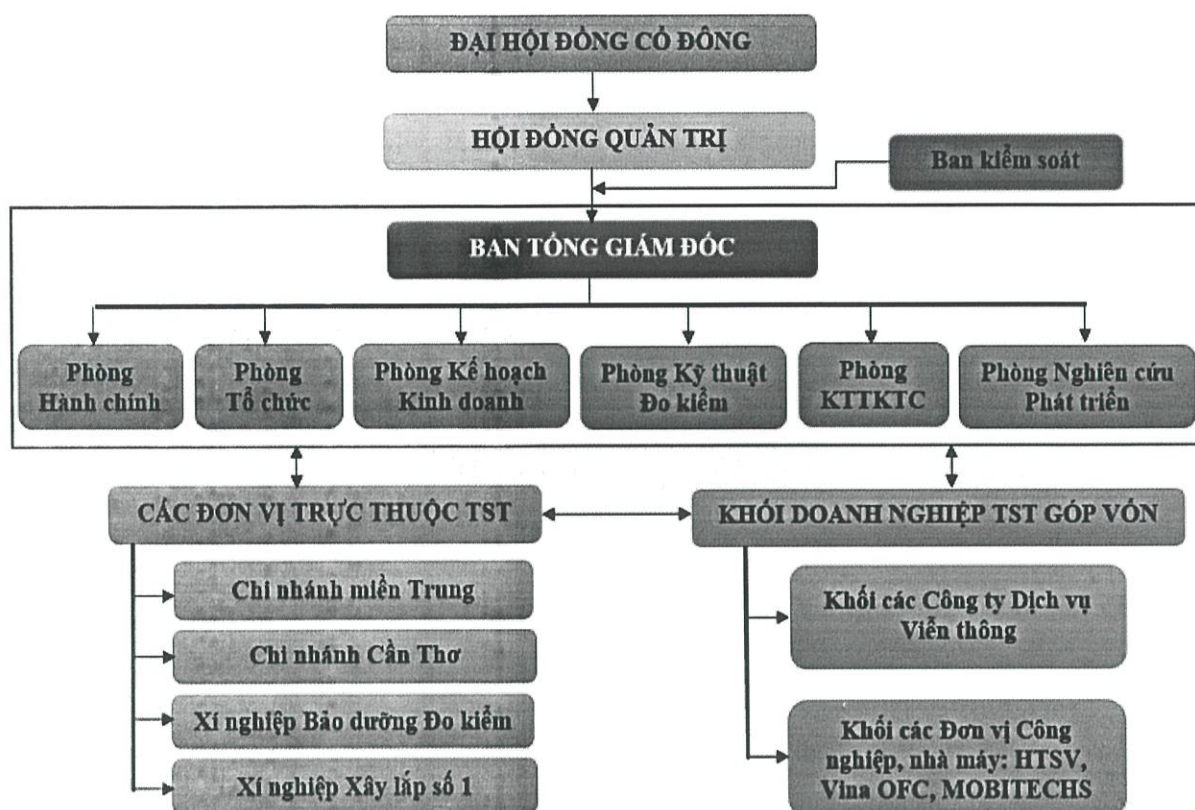
Theo Quyết định số 232/2000/QĐ-TCCB ngày 10/03/2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện, Trung tâm KASATI Hà Nội được chuyển thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST). Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông trở thành Công ty Cổ phần chuyên hoạt động trong các lĩnh vực Điện - Điện tử - Viễn thông - Tin học.

Hoạt động xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty bắt đầu được thực hiện từ năm 2000. Công ty thực hiện việc cung cấp các thiết bị truy nhập vào năm 2002. Đến năm 2003, Công ty thực hiện thêm các dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, trợ giúp vận hành và ứng cứu đột xuất hệ thống thiết bị truyền dẫn quang. Tiếp theo đến năm 2004, Công ty tham gia lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, trợ giúp vận hành và ứng cứu đột xuất hệ thống thiết bị mạng và dịch vụ ADSL; lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, trợ giúp vận hành và ứng cứu đột xuất hệ thống thiết bị nguồn điện, chống sét, thiết bị phụ trợ.... Sang năm 2005, Công ty triển khai thêm một hoạt động kinh doanh mới đó là tư vấn, triển khai các giải pháp thuộc lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.

Ngày 03/12/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội



Trong đó:

▪ **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

▪ **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

▪ **Ban kiểm soát:** do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho ĐHĐCĐ và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

▪ **Ban Tổng giám đốc:** Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

▪ **Các Phòng ban chức năng:** Đảm nhận và thực hiện các công tác được Ban Giám đốc giao; Hỗ trợ và tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất:

Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9T đầu năm 2018
Tổng giá trị tài sản	180.098.495.165	244.226.513.914	35,61%	210.596.419.074
Doanh thu thuần	96.394.704.024	203.110.691.968	110,71%	68.353.383.069
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	740.243.924	1.488.197.466	101,04%	981.326.501
Lợi nhuận khác	241.716.710	388.889.587	60,89%	33.714.920
Lợi nhuận trước thuế	981.960.633	1.877.087.053	91,16%	1.015.041.421
Lợi nhuận sau thuế	981.960.633	1.877.087.053	91,16%	812.033.137
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2017; BCTC công ty mẹ quý 3/2018

Hợp nhất Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9T đầu năm 2018
Tổng giá trị tài sản	215.635.480.768	290.325.266.968	34,64%	246.768.994.344
Doanh thu thuần	116.494.773.422	225.473.133.549	93,55%	69.396.959.801
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.406.029.764	2.612.989.087	(23,28%)	217.249.671
Lợi nhuận khác	4.120.501.381	803.112.094	(80,51%)	17.272.964
Lợi nhuận trước thuế	7.526.531.145	3.416.101.181	(54,61%)	234.522.635
Lợi nhuận sau thuế	5.469.699.397	3.416.101.181	(37,54%)	31.514.351
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017; BCTC hợp nhất quý 3/2018

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017
<u>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,55	1,29
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,27	1,10
<u>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,98%	63,51%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	96,01%	174,03%

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	3,44	6,3
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,54	0,78
4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,70%	1,52%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,04%	3,16%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,58%	1,35%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,92%	1,16%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	đồng	880	637
Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	0%	0%

Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017

5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018

5.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2018 (hợp nhất toàn Công ty)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	
		Thực hiện	Kế hoạch	%+- so với năm 2017
Tổng doanh thu	Nghìn đồng	226.407.508	143.665.454	(36,55%)
Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	3.416.101	4.045.000	18,41%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	1,52%	2,82%	1,3%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,12%	8,43%	1,31%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	0 %	2%	2%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

5.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Năm 2018 tiếp tục tạo ra nhiều thách thức cho Công ty trong mục tiêu giữ vững thị phần, đảm bảo mục tiêu doanh thu và phát triển bền vững khi thị trường viễn thông tiếp tục trong trạng thái bão hòa, việc cạnh tranh giữa các công ty viễn thông ngày càng khốc liệt, đơn giá giảm mạnh do các nhà mạng cắt giảm chi phí, đầu tư. Chi phí bảo hiểm xã hội tăng cao gây áp lực cho doanh nghiệp khi áp dụng cách tính BHXH mới từ 01/01/2018. Nhiều dự án trọng điểm bị trượt thầu do giá trúng thầu quá thấp hoặc Công ty phải từ bỏ vì hiệu quả kinh doanh không đạt được mục tiêu đề ra. Căn cứ vào tình hình trên, Công ty đã đề ra kế hoạch kinh doanh năm 2018 với doanh thu 143,66 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 4,04 tỷ đồng; trong đó kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty mẹ tương ứng là 119 tỷ đồng và 1,79 tỷ đồng. Doanh thu kế hoạch Công ty mẹ chỉ bằng 58,92% giá trị doanh thu thực hiện của năm 2017 nhưng kế hoạch lợi nhuận bằng 95,64% giá trị lợi nhuận thực hiện năm 2017 do Công ty dự kiến sẽ nỗ lực thu hồi công nợ, cắt giảm các chi phí đến mức tối đa. Ngoài ra, Công ty cũng kỳ vọng vào kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

con là Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam khi kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty này tăng trưởng so với các năm trước.

Theo số liệu 9 tháng đầu năm 2018, doanh thu và lợi nhuận Công ty đạt được tương ứng là 69,4 tỷ đồng và 31,5 triệu đồng, hoàn thành 48,3% và 7,7% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2018. Do đặc thù hoạt động lắp đặt và xây dựng các công trình viễn thông có thời gian thực hiện kéo dài nên đến thường đến cuối năm nhiều hợp đồng mới được quyết toán, khi đó Công ty mới ghi nhận được doanh thu. Để nỗ lực hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, Ban Giám đốc đã đề ra các biện pháp thực hiện, bao gồm:

✓ Tổ chức:

- Thường xuyên củng cố bộ máy theo hướng nhân lực giỏi, tinh gọn và hiệu quả, phù hợp yêu cầu hoạt động của Công ty.
- Lập kế hoạch đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty.

✓ Kế hoạch – Kinh doanh:

- Bám sát kế hoạch đầu tư của các đối tác VNPT, MOBIFONE, VNPT tỉnh thành phố,..
- Tập trung chăm sóc các khách hàng chiến lược gồm VNPT, MOBIFONE, một số VNPT tỉnh thành phố có quan hệ hợp tác chặt chẽ.
- Bám sát và lặp lại quan hệ mật thiết với các đối tác ZTE, LELONG, HUAWEI, ERICSSON,...

✓ Tài chính – Kế toán:

- Đảm bảo cung cấp vốn kịp thời và có các giải pháp cần thiết để hỗ trợ các đơn vị.
- Có kế hoạch cụ thể trong việc thu hồi công nợ khách hàng.
- Quản lý có hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí trong hoạt động SXKD.

6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

7. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng

1.575.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 32,81% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ)

4. Giá khởi điểm đấu giá

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2018

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG
TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



TRẦN MẠNH HÙNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THANH

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015;

Căn cứ Nghị định 25/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-TTg ngày 24/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Thông tư 219/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp ("Thông tư 219/TT-BTC");

Thông tư 59/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 219/TT-BTC;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 335/QĐ-VNPT-HĐTV-KSNB ngày 29/12/2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 12/1/2017 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 23/7/2018 về việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng 1.575.000 cổ phần Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu;

Căn cứ Phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông do Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội ("SHS") xây dựng gửi kèm theo văn bản số 909-2018/CV-SHS ngày 12/10/2018 của SHS; *mu*

Căn cứ Giấy ủy quyền số 305/VNPT-HĐTV-VP ngày 26/10/2018 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn tại Tờ trình số 5411/TTr-VNPT-KTTC ngày 17/10/2018 về việc Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đầu tư tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông;

Căn cứ ý kiến của các Thành viên Hội đồng Thành viên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông với các nội dung chủ yếu được chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Thời gian triển khai thực hiện và hoàn thành các nội dung liên quan đến chuyển nhượng vốn : Quý IV/2018.

Điều 3. Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm triển khai các thủ tục chuyển nhượng vốn theo Phương án đã phê duyệt và các qui định của pháp luật. Người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông có trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến chuyển nhượng vốn của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Tổng Giám đốc Tập đoàn, các Ban chức năng thuộc Tập đoàn (Ban Kế toán Tài chính; Ban Nhân lực; Ban Kế hoạch Đầu tư) và Người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mu*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch HĐTV (để b/c);
- Các Thành viên HĐTV;
- Các PTGD Tập đoàn;
- KSV tại VNPT /Ban KSNB;
- Lưu: VT, HĐTV, KTTC.LTTH

VBG - Số Ioffice:

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
THÀNH VIÊN



Phạm Đức Long

PHỤ LỤC BAN HÀNH KÈM THEO

**QUYẾT ĐỊNH SỐ 197/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC NGÀY 31/ 10/2018 CỦA HỘI ĐỒNG
THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (“VNPT”)**

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỦA TẬP ĐOÀN VNPT TẠI TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

*Cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông tính đến 31/12/2017 đã
đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán- Mã chứng khoán TST*

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ thực góp
1	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam	1.575.000	15.750.000.000	32,81%
2	Yu Jen Chieh	285.800	2.858.000.000	5,95%
3	Các cổ đông khác	2.939.200	29.392.000.000	61,24%
	Tổng cộng	4.800.000	48.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông)

Tình hình sử dụng đất đai của Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng đất	Hình thức, nguồn gốc sử dụng đất
1	Số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, phường Khuong Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	245,4 m2	Lâu dài	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 15A, 15B, 15C. Tờ bản đồ số 104-6G- III-48-b	Xây dựng văn phòng	Chuyển nhượng
2	Đường Cao Minh Lộc, Phường Phú Thú, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	125,2m2	Lâu dài	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại H3-24 đường số 10 lộ giới 17,5m, Khu đô thị Phú An – Nam Cần Thơ	Thổ cư	Chuyển nhượng
3	Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Phú Thú, Quận Cái	125,2m2	Lâu dài	Hợp đồng mua bán nhà số 254/HĐMBN ngày 09/02/2007 giữa Chi nhánh Công ty	Thổ cư	Chuyển nhượng

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng đất	Hình thức, nguồn gốc sử dụng đất
	Răng, thành phố Cần Thơ			XDCTGT 586 tại Cần Thơ và Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông (TST) với vị trí lô đất: H3-8 (Quốc lộ 91B LG80m) tại Khu dân cư Phú An – lô số 20		
4	Tại 11A Đồng Nhân, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trung, Hà Nội	82,1m ²	Đến năm 2057	- Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 về việc cho phép Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông được chuyển từ hình thức thuê đất - Quyết định số 3754/QĐ-UB ngày 27/5/2002 của UBND thành phố, sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. - Công văn số 15/TT-TCHC ngày 10/1/2008 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.	Văn phòng làm việc	Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất (hiện tại vẫn nợ tiền sử dụng đất nên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
5	Lô đất 164 Nguyễn Văn Cừ, Quận Gia Lâm, TP Hà Nội	349,0m ²	Đến 2050	- Quyết định số 1838/QĐ-VP ngày 12/10/1992 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam về việc điều chuyển mặt bằng sản xuất và làm việc cho Chi nhánh Xí nghiệp Khoa học sản xuất thiết bị. - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận bổ sung quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	Văn phòng làm việc	Nhà nước giao làm mặt bằng sản xuất và làm việc.

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng đất	Hình thức, nguồn gốc sử dụng đất
				liên với đất. - Công văn số 6298/STNMT-ĐKTK ngày 3/11/2014 của Sở Tài nguyên Môi trường TP Hà Nội.		
	Tổng cộng	926.9 m2				

1. Cơ sở pháp lý xây dựng phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 25/2016/NĐ – CP ngày 06/04/2016 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
- Quyết định số 2129/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/12/2017 phê duyệt phương án tái cơ cấu Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) giai đoạn 2018 – 2020;
- Thông tư số 155/2015TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 219/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (“Thông tư 219/TT-BTC”);
- Thông tư 59/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 219/TT-BTC;
- Quyết định số 10/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 12/01/2017 của Tập đoàn Bưu chính

Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

- Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 6285/CT-VVFC/BAN3 do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam phát hành ngày 28/6/2018;
- Quyết định số 145/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 23/9/2018 của Hội đồng thành viên VNPT về việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng 1.575.000 cổ phần Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu.

2. Mục đích của việc chuyển nhượng vốn

Việc chuyển nhượng vốn của VNPT tại Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông nhằm thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; thực hiện Quyết định số 2129/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/12/2017 phê duyệt phương án tái cơ cấu Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) giai đoạn 2018 – 2020.

3. Tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác

3.1 Tình hình đầu tư vốn

Tính đến thời điểm lập Phương án thoái vốn (tháng 10/2018), tình hình đầu tư vốn của VNPT tại Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông như sau:

- Số lượng cổ phần nắm giữ tại TST: 1.575.000 cổ phần
- Tổng giá trị cổ phần nắm giữ theo mệnh giá: 15.750.000.000 đồng (Mười lăm tỉ bảy trăm năm mươi triệu đồng)
- Giá trị số lượng cổ phần TST ghi trên sổ sách của VNPT: 29.250.000.000 đồng
- Giá trị cổ tức VNPT đã nhận được lũy kế đến hiện tại: 12.442.506.300 đồng

3.2 Lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn

Việc chuyển nhượng vốn của VNPT tại TST sẽ bổ sung vào dòng tiền thu được của VNPT một khoản ước tính theo giá trị định giá là 56,4 tỷ đồng.

Phù hợp với chủ trương thoái vốn của doanh nghiệp nhà nước tại các lĩnh vực ngoài lĩnh vực kinh doanh chính.

Thực hiện chuyển nhượng vốn của VNPT tại TST chủ trương của Chính phủ tại Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 phê duyệt phương án tái cơ cấu Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) giai đoạn 2018 – 2020.

4. Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của TST, nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào TST. Dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn tại TST.

4.1 Tình hình tài chính

❖ Công nợ phải thu ngắn hạn

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016
1	Phải thu từ khách hàng	144.927.024.414	85.802.432.523
2	Trả trước cho người bán	1.677.105.448	1.267.155.691
3	Phải thu khác	50.807.437.708	41.643.951.480
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(5.728.129.179)	(5.245.043.055)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	136.167.801	136.167.801
Tổng cộng		191.819.606.192	123.604.664.440

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 và 2017 của TST)

❖ Công nợ phải thu dài hạn

Đơn vị:
VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016
1	Phải thu của khách hàng	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
4	Phải thu nội bộ	-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
6	Phải thu khác	124.077.242	124.077.242
7	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Tổng cộng		124.077.242	124.077.242

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 và 2017 của TST)

❖ Công nợ phải trả

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016
A	Nợ ngắn hạn	182.093.416.658	103.879.674.198
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	84.072.960.820	28.165.474.505
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.539.337.558	9.146.991.544
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.382.992.606	2.785.336.367
4	Phải trả người lao động	1.046.800.000	1.370.163.784
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	8.271.920.850	9.567.933.258

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	125.454.545
7	Phải trả ngắn hạn khác	31.205.702.306	30.076.903.977
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.476.479.076	22.544.192.776
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	97.223.442	97.223.442
B	Nợ dài hạn	2.286.926.706	1.745.569.943
1	Phải trả cho người bán dài hạn	-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	-	-
4	Phải trả dài hạn khác	220.000.000	220.000.000
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.066.926.706	1.525.569.943
	Tổng nợ	184.380.343.364	105.625.244.141

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 và 2017 của TST)

❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,29	1,55
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	1,10	1,27
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản (D/A)	%	63,51%	48,98%
Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E)	%	174,03%	96,01%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	Lần	6,30	3,44
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,78	0,54
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (ROS)	%	1,52%	4,70%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bq (ROE)	%	3,16%	5,04%
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bq (ROA)	%	1,35%	2,58%
Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	1,16%	2,92%
Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS) (đồng/CP) (Mệnh giá: 10.000đ/CP)	đồng/cp	637	880

❖ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2017**

Đơn vị: VNĐ

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	18.056.200.004	6.403.509.491	35,46%
2	Máy móc, thiết bị	24.408.874.589	1.566.477.559	6,42%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.072.455.550	6.134.535.000	50,81%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.588.017.227	202.669.468	12,76%
	Cộng	56.125.547.370	14.307.191.518	25,50%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của TST)

4.2 Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1	Tổng tài sản	290.325.266.968	215.635.480.768
2	Vốn chủ sở hữu	105.944.923.604	110.010.236.627
3	Nợ ngắn hạn	182.093.416.658	103.879.674.198
4	Nợ dài hạn	2.286.926.706	1.745.569.943
5	Doanh thu thuần	225.473.133.549	116.494.773.422
6	Lợi nhuận từ HĐKD	2.612.989.087	3.406.029.764
7	Lợi nhuận sau thuế	3.416.101.181	5.469.699.397

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm hợp nhất 2017 của TST)

4.3 Nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào cổ phiếu TST

Việt Nam đã và đang là một trong những thị trường viễn thông có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới trong suốt 10 năm qua. Đến nay, tổng số thuê bao điện thoại hiện có khoảng trên 131 triệu máy (trong đó: di động chiếm 94,86%, cố định: chiếm 5,14%), cao gấp 10 lần so với năm 2005; mật độ điện thoại đạt khoảng 140 máy/100 dân; tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng đạt 6,5 thuê bao/100 dân, cao gấp gần 2 lần so với năm 2010, cao gấp 30 lần so với năm 2005. Trong đó, viễn thông, hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet của Việt Nam được đánh giá là phát triển hiện đại, bao trùm rộng khắp, băng rộng tốc độ cao, hoạt động ổn định. Với việc phóng thành công 02 vệ tinh lên quỹ đạo trái đất, Việt Nam đã ghi tên mình vào danh sách các nước đã có chủ quyền trên quỹ đạo vệ tinh và kết cấu hạ tầng thông tin của Việt Nam đã được đảm bảo bằng tất cả các hình thức liên lạc tiên tiến

hiện đại nhất thế giới. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt 95% diện tích, tổng băng thông kênh kết nối quốc tế đạt 1.450Mb/s, tăng hơn 12 lần so với năm 2010.

Công nghiệp công nghệ thông tin đang trở thành ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh, bền vững, doanh thu cao, có giá trị xuất khẩu lớn. Kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện hằng năm đạt hơn 32 tỷ USD, tăng gấp 9 lần so với năm 2010 và kim ngạch xuất khẩu máy tính, điện tử và linh kiện đạt 14 tỷ USD, tăng gấp 4,5 lần so với năm 2010, tốc độ tăng trưởng của ngành từ 20 - 30%/năm.

Mặc dù có sự tăng trưởng mạnh mẽ nhưng thị trường viễn thông không tránh khỏi việc rơi vào trạng thái bão hòa. Trong năm 2017, mặc dù thị trường tiếp tục trạng thái bão hòa, nhưng kết quả kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp viễn thông trong nước vẫn duy trì được mức tăng trưởng ổn định, thậm chí có doanh nghiệp tăng trưởng lợi nhuận hơn 20%. Bước sang năm 2018, trước những cơ hội mới đang đến từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các doanh nghiệp viễn thông càng có thêm điều kiện để phát triển và bứt phá mạnh mẽ. Tuy nhiên, đi cùng với đó cũng là những thách thức không nhỏ, đòi hỏi doanh nghiệp cần liên tục đổi mới, sáng tạo mới có thể bắt kịp được những thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong thời đại mới.

Đánh giá nhu cầu thị trường:

TST là đơn vị có uy tín trong lĩnh vực viễn thông. Công ty có chức năng bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ vận hành và ứng cứu đột xuất cho các thiết bị viễn thông như thiết bị cáp quang, vi ba, BTS, ADSL, Outdoor, indoor, tổng đài... cùng các thiết bị phụ trợ khác như thiết bị nguồn, thiết bị chống sét, máy điều hoà nhiệt độ, ...của các Bưu điện tỉnh, thành phố trong cả nước.

TST có đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu, được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến để có thể đảm đương nhiệm vụ phục vụ mạng lưới Bưu chính - Viễn thông. Khách hàng của TST là các bưu điện Tỉnh/Thành phố, các công ty viễn thông trên cả nước, các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lớn của Việt Nam.

Với những phương châm và mục tiêu chất lượng đã được đề ra, Công ty tiếp tục có những định hướng phát triển như mở rộng sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu dịch vụ kỹ thuật viễn thông, công nghệ mới; trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật viễn thông lớn nhất và chuyên nghiệp nhất; tích cực mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế với các hãng hàng lớn, từ đó sử dụng tối ưu đồng vốn của TST, đồng thời từng bước đưa lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ của TST lên một tầm cao mới,...

Với những lợi thế sẵn có về nguồn nhân lực, bề dày kinh nghiệm và cơ sở vật chất, Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông có nhiều triển vọng để tiếp tục phát triển trong thời gian tới. Hiện tại, VNPT đang sở hữu 32,81% vốn điều lệ tại TST, là tỷ lệ lớn để có thể tham gia quản trị TST. Do đó, việc VNPT chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại TST sẽ tạo cơ hội cho các nhà đầu tư nhận chuyển nhượng được sở hữu và tham gia quản trị TST. Chính vì vậy, việc VNPT chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp sở hữu tại TST được đánh giá có thể sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư.

4.4 Dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn:

- Số cổ phần sở hữu: 1.575.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 32,81% Vốn điều lệ của TST
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá trị cổ phần theo mệnh giá: 15.750.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*)
- Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 23/7/2018 của Hội đồng thành viên VNPT về việc xác định giá khởi điểm chuyển nhượng cổ phiếu TST, giá trị dự kiến thu được là: $1.575.000 \text{ cổ phần} \times 35.855 \text{ đồng/cổ phần} = 56.471.625.000 \text{ đồng}$.

5. Phương thức chuyển nhượng vốn của Tập đoàn VNPT tại Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông

5.1. Phương thức chuyển nhượng vốn:

- Phương thức chào bán: Bán đấu giá công khai (đấu giá thông thường)
- Việc chuyển nhượng vốn của Tập đoàn VNPT tại Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông thực hiện theo trình tự như sau: bán đấu giá công khai; trường hợp bán đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh; trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận.

Tổ chức thực hiện bán đấu giá:

Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đầu tư của VNPT tại TST là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5.2. Giá khởi điểm chào bán:

Giá khởi điểm một cổ phần: 35.855 đồng/cổ phần.

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).

Trường hợp giá khởi điểm nêu trên thấp hơn giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn giá tham chiếu bình quân này là giá khởi điểm chuyển nhượng vốn, cụ thể:

Trong vòng 3 ngày trước ngày dự kiến công bố thông tin bán đấu giá, Ban chức năng của VNPT có trách nhiệm báo cáo Tổng giám đốc về giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp của cổ phiếu TST trước ngày công bố thông tin (trong đó cần dự báo giá bình quân của 3 ngày liền kề trước ngày dự kiến công bố thông tin để có thời gian thực hiện báo cáo cấp có thẩm quyền và công bố thông tin theo qui định của pháp luật). Trường hợp giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp của cổ phiếu TST cao hơn mức giá 35.855 đồng/cổ phần thì Tổng giám đốc được phép lấy mức giá này làm giá khởi điểm bán đấu giá.

5.3. Giá bán cổ phần Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông do VNPT sở hữu tại ngày đấu giá:

Giá bán cổ phần mà nhà đầu tư phải thanh toán cho doanh nghiệp nhà nước khi giao dịch ngoài sàn là giá được xác định theo quy định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai thông thường, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận);

Trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai thông thường, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần tính theo giá sàn cao hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho doanh nghiệp nhà nước theo giá giao dịch là giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận);

Trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch tính theo giá sàn cổ phiếu của công ty cổ phần thấp hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) hoặc không có giá sàn do không có giao dịch thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho doanh nghiệp nhà nước theo giá được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận).

5.4. Dự kiến thời gian thực hiện và hoàn thành việc chuyển nhượng vốn

- Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện: tháng 10/2018

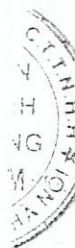
- Dự kiến thời gian hoàn thành việc chuyển nhượng vốn của Tập đoàn VNPT tại Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông: Quý IV/2018

- Dự kiến lộ trình thực hiện:

TT	Các bước thực hiện	Thời gian	Thực hiện
1	Xây dựng xong phương án chuyển nhượng vốn	T	SHS
2	Hội đồng thành viên của VNPT xem xét, phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn	T+10	VNPT
3	Hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng vốn và các bên ký ban hành	T+15	SHS, VNPT
4	Nộp hồ sơ bán đấu giá cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	T+17	SHS

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỦA TẬP ĐOÀN VNPT TẠI TST

	(HNX)		
5	Bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của HNX (nếu có)	T+22	SHS, VNPT
6	Thống nhất lộ trình, Quy chế bán đấu giá với HNX	T+27	VNPT, HNX, SHS
7	Tổng giám đốc VNPT xác định lại giá khởi điểm (nếu cần)	T+28	VNPT
8	Công bố thông tin về đợt bán đấu giá cổ phần theo quy định	T+30	SHS, VNPT
9	Tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần, nhận tiền đặt cọc, phát Phiếu tham dự đấu giá cho nhà đầu tư	T+31-T+49	Các đại lý đấu giá
7	Tổng hợp kết quả tham dự đấu giá và công bố kết quả tham dự đấu giá	T+50	HNX
8	Nhận Phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư	T+53	Các đại lý đấu giá
9	Tổ chức buổi bán đấu giá cổ phần	T+55	HNX
10	Tổng hợp kết quả đấu giá, gửi thông báo kết quả đấu giá cho HĐQT, công bố thông tin về kết quả đấu giá	T+56	HNX
11	Nhận tiền nộp mua cổ phần của nhà đầu tư	T+56-T+62	Các đại lý đấu giá
12	Trả lại tiền đặt cọc cho nhà đầu tư không trúng giá	T+56-T+60	Các đại lý đấu giá
13	Thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu qua VSD	Trong vòng 05 ngày sau khi hoàn tất đợt đấu giá	SHS, VNPT
14	Tổng hợp kết quả bán đấu giá cổ phần và báo cáo về đợt bán đấu giá cho VNPT, xử lý sau đấu giá (nếu có)	T+64	SHS
15	Chuyển tiền thu được từ đợt bán đấu giá cho VNPT (Nếu có)	T+64	HNX
16	Báo cáo cấp trên trực tiếp và Cục TCDN – Bộ Tài chính kết quả bán đấu giá	T+70	VNPT



Số: 2129/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án cơ cấu lại

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; ..

Căn cứ Nghị định số 25/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020”;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020 với những nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU

- Xây dựng và phát triển Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) thành tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh, năng động, hiệu quả, hiện đại, có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế; thực hiện tốt nhiệm vụ công ích; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; làm nòng cốt để ngành viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

- Cơ cấu lại VNPT để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ số (Digital Services) hàng đầu tại Việt Nam và Trung tâm giao dịch số (Digital Hub) tại thị trường Đông Nam Á và Châu Á. Từng bước chuyển dịch cơ cấu tăng trưởng từ các dịch vụ viễn thông truyền thống sang dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và dịch vụ số theo chiến lược phát triển VNPT giai đoạn 2017-2025.

- Đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân trên 6,5%/năm, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân trên 10,8%/năm; giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân trên 7,7%/năm, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân trên 11%/năm. Phân đầu đến năm 2022, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tương đương với các doanh nghiệp cùng ngành nghề.

II. NỘI DUNG

1. Ngành nghề kinh doanh

a) Ngành, nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện và các dịch vụ số khác.

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê công trình, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin.

- Nghiên cứu, phát triển, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện.

b) Ngành, nghề liên quan phục vụ trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính

- Đầu tư tài chính trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện và các dịch vụ số khác.

- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường, tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; bồi dưỡng, cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện và các dịch vụ số khác.

- Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, cơ sở nhà đất hiện có của VNPT.

2. Kế hoạch sắp xếp, cơ cấu lại VNPT giai đoạn 2018 - 2020

- a) Thành lập Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT-IT) hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ VNPT trên cơ sở sắp xếp lại các bộ phận, đơn vị quản lý, sản xuất kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của VNPT và Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) để tối ưu hóa nguồn lực, tránh chồng chéo.

b) Sáp nhập Bệnh viện Phục hồi chức năng Bưu điện (tại thành phố Hải Phòng) vào Bệnh viện Bưu điện (tại thành phố Hà Nội). Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với Bệnh viện Bưu điện (sau khi sáp nhập), Bệnh viện Đa khoa Bưu điện (tại thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Cơ cấu lại hoạt động kinh doanh quốc tế của Công ty Viễn thông Quốc tế (VNPT - I) theo hướng:

- Tách nhiệm vụ và nguồn lực của Công ty Viễn thông quốc tế (VNPT-I) trong tổ chức, vận hành, khai thác hệ thống vệ tinh Vinasat 1, Vinasat 2 để chuyển về Tổng công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net) quản lý.

- Chuyển Công ty Viễn thông quốc tế (VNPT-I) (còn lại sau khi tách) về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) để kinh doanh dịch vụ viễn thông quốc tế và dịch vụ vệ tinh.

d) Nghiên cứu thành lập Công ty TNHH một thành viên Đầu tư quốc tế VNPT (VNPT Global) do VNPT sở hữu 100% vốn điều lệ khi đủ điều kiện để đầu tư kinh doanh ở thị trường quốc tế sau khi hoàn thành cổ phần hóa Công ty mẹ - VNPT; bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

đ) Tiếp tục duy trì Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) theo mô hình hạch toán độc lập. Trong quá trình cổ phần hóa, nghiên cứu cơ chế hạch toán của VNPT Vinaphone để bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

e) Nâng cao hiệu quả hoạt động và sắp xếp lại các doanh nghiệp có vốn góp của VNPT sau:

- Chuyển giao phần vốn góp của VNPT tại các doanh nghiệp: (1) Công ty cổ phần Truyền thông (VMG); (2) Công ty cổ phần Thanh toán điện tử VNPT (VNPT-EPAY), (3) Công ty cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam (Napac), (4) Công ty cổ phần phát triển dịch vụ học tập và giải trí trực tuyến VDC (VDC-Net2E), (5) Công ty cổ phần Truyền thông, Quảng cáo, đa phương tiện (SMJ) về Tổng công ty Truyền thông (VNPT-Media) quản lý để hình thành chuỗi các đơn vị nghiên cứu, phát triển, cung cấp sản phẩm dịch vụ nội dung số, giá trị gia tăng, truyền thông, đa phương tiện của VNPT.

- Chuyển giao phần vốn của VNPT tại các doanh nghiệp: (1) Công ty VNPT Global HK (VNPT G HK); (2) Công ty ACASIA-Malaysia (ACASIA); (3) Công ty ATH-Malaysia (ATH); (4) Liên doanh Stream Net (Myanmar) về VNPT Global (sau khi thành lập) để quản lý các hoạt động đầu tư quốc tế và phát triển sản phẩm dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin của VNPT tại thị trường nước ngoài.

- Sáp nhập Công ty cổ phần Vật tư Bưu điện (Potmasco) vào Công ty cổ phần Cokyvina theo quy định.

- Sáp nhập Công ty cổ phần KASATI vào Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện CT-IN và tăng tỷ lệ vốn góp của VNPT tại CT-IN đạt mức trên 35% vốn điều lệ theo quy định.

g) Giải thể Văn phòng đại diện VNPT tại thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

3. Tiếp tục lộ trình thoái vốn theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

4. Cơ cấu của VNPT sau khi sắp xếp, tổ chức lại:

a) Công ty mẹ - VNPT là công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Các đơn vị hạch phụ thuộc:

- Tổng công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net).
- Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT - IT).
- 63 Viễn thông tỉnh, thành phố (VNPT tỉnh, thành phố)
- Trung tâm Nghiên cứu Phát triển (VNPT - RD).
- Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ I, II, III.

c) Đơn vị sự nghiệp:

- Bệnh viện Bưu điện.
- Bệnh viện Đa khoa Bưu điện.

d) Các công ty con:

- Tổng công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT Vinaphone).
- Tổng công ty Truyền thông (VNPT Media).
- Công ty Đầu tư quốc tế VNPT (VNPT Global) (nghiên cứu thành lập sau khi hoàn thành cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn).
- Công ty cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT Technology).
- Công ty cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện (CT-IN).

- Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF).
- Công ty VNPT GLOBAL HK (dự kiến chuyển giao vốn về VNPT Global sau khi thành lập).

đ) Các công ty liên kết:

- Công ty cổ phần COKYVINA
- Công ty cổ phần Phát triển công nghệ và Truyền thông (VNTT)
- Công ty cổ phần Quản lý tòa nhà VNPT (VNPT PMC)
- Công ty cổ phần những trang vàng Việt Nam (VNYP)
- Công ty cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu điện (PTP)
- Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ và Truyền thông (NEO)
- Công ty cổ phần Dịch vụ số liệu toàn cầu (GDS)
- Công ty ATH Malaysia (dự kiến chuyển giao vốn về VNPT Global sau khi thành lập).
- Công ty ACASIA Malaysia (dự kiến chuyển giao vốn về VNPT Global sau khi thành lập).

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nâng cao quản trị doanh nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực như sau:

- a) Hoàn thiện cơ chế quản lý;
- b) KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH;
- c) ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN; QUẢN LÝ TÀI SẢN, NGUỒN VỐN VÀ ĐẢM BẢO CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN. Tăng cường thực hành tiết kiệm, quản lý chặt chẽ chi phí, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm và dịch vụ;
- d) Quản lý sử dụng lao động hiệu quả, cải cách cơ chế tiền lương; phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động trong toàn Tập đoàn;
- e) Tăng cường công tác quản lý dự án đầu tư, đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư; đánh giá toàn diện các phương án kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài để bảo đảm hiệu quả, bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Khẩn trương xử lý dứt điểm các dự án, doanh nghiệp yếu kém thua lỗ thuộc VNPT.
- g) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; phòng chống tham nhũng, lãng phí.

6. Triển khai cổ phần hóa Công ty mẹ - VNPT bảo đảm hoàn thành cổ phần hóa Tập đoàn trong năm 2019 theo đúng quy định tại công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; định kỳ hàng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ; chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nội dung sắp xếp, cơ cấu lại theo đề xuất của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, kịp thời xử lý những vướng mắc nảy sinh hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội theo thẩm quyền phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 1 Mục III Điều này.

3. Căn cứ mục tiêu cơ cấu lại giai đoạn 2018-2020 tại mục I Điều này, Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam:

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt quan điểm, mục tiêu và các nội dung Phương án cơ cấu lại nhằm tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong quá trình triển khai thực hiện đối với các đơn vị thành viên, cán bộ lãnh đạo và người lao động trong toàn Tập đoàn.

b) Sắp xếp, cơ cấu lại các doanh nghiệp thành viên theo quy định tại khoản 2 Mục II Điều này theo thẩm quyền;

c) Hoàn thành việc thoái vốn theo quy định tại khoản 3 Mục II Điều này.

d) Nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động, giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5 Mục II Điều này.

đ) Triển khai thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - VNPT theo quy định theo khoản 6 Mục II Điều này. Trong quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - VNPT, nghiên cứu, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét đề trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế hạch toán của VNPT - Vinaphone để bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

e) Sau khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - VNPT, nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Đề án thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư quốc tế VNPT do VNPT sở hữu 100% vốn điều lệ theo quy định trên cơ sở rà soát, tính toán kỹ các dự án đầu tư ra nước ngoài, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

g) Định kỳ hàng quý báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp kết quả thực hiện Phương án này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

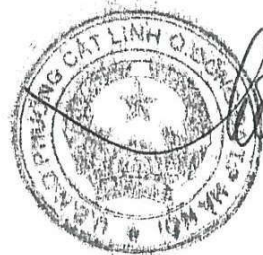
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ: TT&TT, TC, KH&ĐT, LĐ-TB&XH, Nội vụ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, KTTH, KGVX;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b) 18

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vương Đình Huệ
THỰC HÀNH BAN SÁU ĐUNG VUI BAN CHINH
Số chứng thực . . . 1851 (mẫu 81) . . . SCT/BS

Ngày: 02-04-2018



CHỦ TỊCH

Lê Thị Minh Hoa



Phụ lục
Kế hoạch thoái vốn giai đoạn 2018 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2017)

STT	Tên đơn vị	Tên viết tắt	Giá trị sổ sách (triệu đồng)
Năm 2018			
1	Công ty Cổ phần HACISCO	HACISCO	38,160
2	Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông	LTC	16,310
3	Công ty Cổ phần Khách sạn Bưu điện Nha Trang	P&T Hotel	7,467
4	Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam	QTC	6,350
5	CTCP Công nghệ viễn thông	VITECO	15,612
6	CTCP dịch vụ kỹ thuật viễn thông	TST	48,000
7	CTCP Dịch vụ Xây dựng Công trình Bưu điện	PTCO	3,600
8	Công ty Cổ phần Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng	DNTD	900
9	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	AITS	13,200
10	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	TELCOM	24,500
11	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hải Phòng	HPPC	3,164
12	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	PTF	500,000
13	Quỹ đầu tư Việt Nam	BVIM	2,100
14	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	MSB	579,907
15	Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông	VNPT LAND	140,000
16	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	SPT	68,430
17	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	CTC	1,500
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Cần Thơ	CTC	1,500
19	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp	DTC	4,400
20	Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội	HADIC	1,200
21	Công ty Cổ phần Phát triển Viễn thông Bắc Miền Trung (Công ty cổ phần Phát triển Viễn thông Quảng Trị)	CTD	1,440

22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn thông Vũng Tàu	VPC	2,000
23	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Huế	HUTIC	1,500
24	Công ty Cổ phần CADICO	CADICO	2,940
25	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây lắp Viễn thông Bạc Liêu	TIC	1,680
26	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang	KAS	2,000
27	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Xây lắp Viễn thông Đà Lạt	DTC	2,200
28	Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Bưu điện Gia Lai	GPT	1,380
29	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Cà Mau	CTAS JSC	2,600
30	Quỹ SFA2	SFA2	6,930
31	Quỹ VF2	VF2	2,690
32	Công ty TNHH sản xuất thiết bị viễn thông	TELEQ	93,028
33	Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Thiết bị Viễn thông ANSV	ANSV	96,261
34	CTCP Vật tư Bưu điện	POTMASCO	9,180
35	CTCP KASATI	KASATI	13,475
36	Công ty TNHH VKX	VKX	48,596
37	Công ty cổ phần ("CTCP") Viễn thông Điện tử VINACAP	VINACAP	156,000
38	CTCP viễn thông VTC	VTC	45,347
39	CTCP Vật liệu Xây dựng Bưu Điện	PCM	40,000
40	CTCP Các hệ thống viễn thông VFT	VFT	35,839
41	CTCP Các hệ thống viễn thông VNPT - NEC	VINECO	40,276

Năm 2020 (Sau khi cổ phần hóa)

42	Liên doanh Cấp đồng Lào - Việt	LVCC	22180.125
43	Công ty TNHH một thành viên cáp quang FOCAL (cổ phần hóa, niêm yết trên sàn chứng khoán và thoái vốn)	FOCAL	50000
44	CTCP cáp quang Việt Nam	VINA-OFC	89100
45	CTCP Vật liệu Bưu điện/Viễn thông TELVINA Việt Nam	PMC/Telvina	50000